TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78**/2019/DS-ST
Ngày: 02/10/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tỵ

Ông Nguyễn Văn Hiền

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 312/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Đ;**

Địa chỉ: số X Hàng A, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn S - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ký đơn khởi kiện: Ông Đỗ Ngọc By - Giám đốc Ngân hàng Đ Chi nhánh B;

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Kim K - Phó Giám đốc Phòng giao dịch M thuộc Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh B; Theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2019, bản tự khai, cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/01/2018, bà Nguyễn Thị Tuyết N đã ký Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: XYZvới Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh B - Phòng giao dịch huyện M. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng TMCP Đ cho bà N vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

- Số tiền vay: 17.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Tiêu dùng;

- Thời hạn cho vay: 12 tháng (từ ngày 26/01/2018 đến ngày 26/01/2019)

- Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo định kỳ 04 lần/năm vào các ngày: 01/3, 01/6, 01/9 và 01/12 trên cơ cở số dư nợ vay và lãi suất cho vay hiện hành do Ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh (Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND 6 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ theo thông báo của Đ tại thời điểm).

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Ngày 19/3/2019: Điều chỉnh lãi suất 11,5%/năm cho đến nay;

- Tài sản thế chấp: Tín chấp (không có tài sản bảo đảm).

Trong quá trình quan hệ tín dụng, bà N không thực hiện đúng theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, vi phạm Điều 4 "Trả nợ gốc và lãi, phí" của Hợp đồng tín dụng, để phát sinh nợ quá hạn tại ngân hàng mặc dù ngân hàng đã nhiều lần thông báo, liên hệ đôn đốc trả nợ, tạo mọi điều kiện nhưng bà N không hợp tác trả nợ. Tính từ tháng 10/2018 cho đến nay, bà N chưa thanh toán toàn bộ gốc lãi đến hạn của khoản vay nêu trên.

Nay, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 01/10/2019 là: 17.766.654 đồng (tiền gốc 15.751.100 đồng, tiền lãi quá hạn 2.015.554 đồng) theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: XYZngày 26/01/2018. Đồng thời, kể từ ngày 02/10/2019 bà N còn phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả tất nợ gốc cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Tuyết N được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: XYZngày 26/01/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà Nguyễn Thị Tuyết N thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP Đ cho bà N vay số tiền 17.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng, thời hạn vay là 12 tháng. Ngân hàng cho rằng bà N đã vi phạm hợp đồng đã ký kết nên nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán tiền cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản)" theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền gốc và lãi, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N có nơi cư trú tại 108/3 khu phố M, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Đối chiếu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N theo đúng quy định tại các điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà N vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bà N vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: XYZngày 26/01/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với bà N đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ được số tiền gốc là 1.248.900 đồng và tiền lãi. Từ tháng 10/2018 cho đến nay, bà N không thanh toán tiếp số tiền gốc và lãi đến hạn. Như vậy, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP Đ. Do đó, căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nguyên đơn

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Tuyết N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 01/10/2019 là 17.766.654 đồng (tiền gốc 15.751.100 đồng, tiền lãi quá hạn 2.015.554 đồng) theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: XYZ ngày 26/01/2018 là phù hợp. Kể từ ngày 02/10/2019, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 17.766.654 đồng x 5% = 888.500 đồng (làm tròn); Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 01/10/2019 là 17.766.654 (mười bảy triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó: tiền gốc 15.751.100 đồng, tiền lãi quá hạn 2.015.554 đồng, theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: XYZ ngày 26/01/2018.

Kể từ ngày 02/10/2019, bà Nguyễn Thị Tuyết N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Tuyết N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ .

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N có nghĩa vụ chịu số tiền 888.500 (tám trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 428.000 (bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003750 ngày 19/7/ 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Như